

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 03/01/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP3+TD2	7:25	6+16	0+0		0+22	0+0	
2		TD3	7:25	22	0		22	0	
3		P4+AMD	7:25	19+3	0+0		15+7	0+0	
4		PPD+BK5+BK6	7:25	22+0+0	0+0+0		20+1+0	0+0+0	CHUYEN 1 BK5-BK6
5		TD5	9:25	20	0		21	0	
6		P4+P5+BK3	9:25	5+17+0	0+0+0		0+21+1	0+0+0	
7		RP3+RC3	9:25	22+0	0+0		20+1	0+0	
8		P4	9:25	22	0		22	0	
9		P1+BK8	11:25	21+1	0+0		21+1	0+0	
10		TTC2+P3+TD3	11:25	0+15+6	0+0+0		0+5+17	0+0+0	CHUYEN 1 TTC2-P3
11		P1+PPD+RC5	11:25	5+14+0	0+0+0		4+12+4	0+0+0	CHUYEN 1 P1-RC5
12		TGTH1+AMD	12:25	4+15	0+0		4+15	0+0	
13		AMD+HSD+HST	13:25	15+3+3	0+0+0		14+3+4	0+0+0	
14		TD2+P3	13:25	16+5	0+0		16+5	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ ĐI VỀ TRONG NGÀY P7-2NG, P4-2NG, PPD-5NG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/01/2025	TO: RP3 - TD2	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: DUONG - HTRUNG -	ETA: 09:25
CAM-1		THANH	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN VĂN TINH	RP3	31-32	2	14	4	65	75	CODIEN	Vietnamese
2	LÊ TRỌNG DŨNG	RP3	22	1	16	1	10	64	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	RP3	24-25	2	18			98	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYỄN HỒNG QUYẾT	RP3	21	1	8			62	CODIEN	Vietnamese
5	LAM TIEN PHI	RP3	28-29	2	10			84	KHI	Vietnamese
6	LÊ NHƯ NGUYỄN	RP3	26-27	2	6			67	KHI	Vietnamese
7	LÊ TUÂN NGHĨA	TD2	62	1	5	1	13	73	KHOAN	Vietnamese
8	BUI NGỌC DŨNG	TD2	67	1	5			81	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN TÀI THUYẾT	TD2	52-53	2	8			59	KHOAN	Vietnamese
10	VŨ THẬP TOÀN	TD2	59	1	6			66	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐỨC THANH	TD2	55	1	4			80	KHOAN	Vietnamese
12	HOANG XUÂN KIẾN	TD2	57-58	2	6			70	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN KHẮC HÀ TRUNG	TD2	63-65	3	20			74	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ MINH ĐỨC	TD2	61	1	4			91	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN TRUNG KIẾN	TD2	68-69	2	7			55	KHOAN	Vietnamese
16	PHẠM VĂN HÙNG	TD2	50	1	4			67	KHOAN	Vietnamese
17	VĂN TUÂN DŨNG	TD2	60	1	4			64	KHOAN	Vietnamese
18	ĐINH DUY HAI	TD2	66	1	11			72	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN CHI ĐỨC	TD2	56	1	2			54	KHOAN	Vietnamese
20	ĐINH VĂN HUÂN	TD2	54	1	9			75	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN DUÂN	TD2	51	1	3			62	KHOAN	Vietnamese
22	TRẦN VĂN MINH	TD2	70	1	10			65	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP3	6	450	10	72	5	75	0		
2	TD2	16	1.108	21	108	1	13	22		
TOTAL		22	1.558	31	180	6	88	22		
WEIGHT KG			1.558		180		88			

GRAND TOAL: 1.826 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/01/2025	TO: TD3	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - SON - MQUÂN	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRẦN VĂN HƯỜNG	TD3	98	1	5			74	KHOAN	Vietnamese
2	ĐẶNG XUÂN LƯU	TD3						68	KHOAN	Vietnamese
3	TRẦN TRỌNG BẢNG	TD3	94	1	5			70	KHOAN	Vietnamese
4	VŨ TRỌNG NGHĨA	TD3						78	KHOAN	Vietnamese
5	ĐẶNG ĐÌNH ĐỊNH	TD3	93	1	8			55	KHOAN	Vietnamese
6	VUÔNG HỮU QUỐC THÁI	TD3	97	1	7			75	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN SANG	TD3	99	1	5			83	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN HIẾU	TD3						62	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TIẾN HÙNG	TD3	92	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN PHONG	TD3	97	1	3			77	KH-THAC	Vietnamese
11	HUYNH THANH TÂM	TD3	82	1	5			90	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN THANH NAM	TD3	84	1	7			74	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN VĂN LỢI	TD3	83	1	6			62	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG THANH TỰ	TD3	89	1	4			89	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC BAO TỰ	TD3	90	1	5			56	KHOAN	Vietnamese
16	CAO ĐỨC SANG	TD3	72.73	2	9	6	110	58	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN LƯƠNG TÂM	TD3	95-96	2	12			76	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM HOANG HUNG	TD3	85	1	14	1	18	90	KH-THAC	Vietnamese
19	TRƯƠNG VĂN QUANG	TD3	91	1	5			78	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN THIÊN	TD3	88	1	8			76	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN QUỐC TÂN	TD3						67	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐẶNG TRỌNG DŨNG	TD3	80-81	2	13			66	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD3	22	1.594	1+20	125	7	128	22		
TOTAL		22	1.594	1+20	125	7	128	22		
WEIGHT KG			1.594		125		128			

GRAND TOAL: 1.847 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/01/2025		TO: P4 - AMD			AIRCRAFT: 406			ETD: 07:40		
FLIGHT: 3		FROM: VT			CREW: LTUẤN - MTHAO - TÚ			ETA: 09:30		
VANG-1										
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VÔ DUY TOÀN	P4	40	1	6	2	40	64	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN DUY THAI	P4	44	1	4			74	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VIỆT BĂNG	P4	47	1	4	2	12	65	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐÀO ĐỨC HUNG	P4	53	1	3			53	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ ANH THĂNG	P4	56	1	4			79	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM THAI SƠN	P4	48	1	6			58	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI MINH TUẤN	P4	50	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN QUỐC DUNG	P4						75	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC ANH TUẤN	P4	39	1	3			70	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM THE TRƯỞNG	P4	41	1	6			75	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐĂNG TUẤN	P4	42	1	5			69	KHI	Vietnamese
12	ĐINH NGỌC QUY	P4	51	1	5			76	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH TRUNG	P4	55	1	4			69	KHI	Vietnamese
14	PHẠM TRẠI	P4	52	1	6			60	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN SOAI	P4	45	1	7			78	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN NHAN HAI	P4	43	1	4			66	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN NGỌC TUẤN	P4	49	1	6			57	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ HOANG LONG	P4	46	1	7			80	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM VĂN HOANG	P4	54	1	16			87	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN ĐẠI NGHĨA	AMD	39	1	7	4	80	70	HLJOC	Vietnamese
21	HỒ ANH QUỐC	AMD						70	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐỖ ĐỨC THỊNH	AMD	40	1	8			63	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P4	19	1.322	18	100	4	52	15		
2	AMD	3	203	2	15	4	80	7		
TOTAL		22	1.525	20	115	8	132	22		
WEIGHT KG			1.525		115		132			

GRAND TOAL: 1.772 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/01/2025	TO: PPD - BK5 - BK6	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:45
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: LHM - HHC - HTNAM	ETA: 09:35
TRANG - 1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN HUU PHUONG	PPD				3	30	69	BIEN DONG	Vietnamese
2	LE HONG DAI	PPD	58	1	4			76	D-HANH	Vietnamese
3	TRAN DUC KHANG	PPD	54	1	9			80	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN QUANG VINH	PPD	52	1	4			105	KH-THAC	Vietnamese
5	DINH THE QUAN	PPD	47	1	4			67	KHI	Vietnamese
6	PHAN VAN TUNG	PPD	38	1	10			76	KHI	Vietnamese
7	NGUYEN VAN NAM	PPD	49	1	8			61	KHI	Vietnamese
8	TRAN VAN DUNG	PPD						79	KHI	Vietnamese
9	DO NGOC TAN	PPD	39	1	8			74	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN VAN TA	PPD	44	1	4	2	13	72	KHI	Vietnamese
11	TRAN LE RANG	PPD	44	1	3			86	KHI	Vietnamese
12	PHAM TAI	PPD	50	1	11			74	KHI	Vietnamese
13	PHAN VAN THINH	PPD	57	1	6			74	NIP	Vietnamese
14	DANG THE ANH	PPD	59	1	4			70	NIP	Vietnamese
15	NGUYEN NAM HAI	PPD	51	1	5			73	T-TIN	Vietnamese
16	PHAM MINH KHANG	PPD	60	1	12			76	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN HUU HAO	PPD	53	1	4			77	KHI	Vietnamese
18	NGUYEN HUY TRUONG	PPD	45	1	3			66	KHI	Vietnamese
19	KOLESNIK A.IU	PPD	55-56	2	10			104	KHI	Russian
20	LE MINH PHUNG	PPD	46	1	6			79	KHI	Vietnamese
21	CHU MINH PHUONG	PPD	40	1	5			83	KHI	Vietnamese
22	BUI THANH	PPD	48	1	3			63	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	PPD	22	1.684	21	123	5	43	20		
2	BK5	0	0	0	0	0	0	1	1	CHUYEN 1 BK5 - BK6
3	BK6	0	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	1.684	21	123	5	43	21		
WEIGHT KG			1.684		123		43			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/01/2025	TO: TD5	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - SƠN - MQUÂN	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	BUI ĐÌNH PHÚC	TD5	11	1	2	5	90	72	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐỨC MINH	TD5	98	1	3			62	KHOAN	Vietnamese
3	HA THANH TÙNG	TD5	09	1	8			87	KHOAN	Vietnamese
4	TU DƯƠNG DUNG	TD5	10	1	4			70	KHOAN	Vietnamese
5	CAO ĐỨC HAI	TD5	07	1	5	3	16	85	KHOAN	Vietnamese
6	HỒ VĂN TIẾN	TD5	99	1	3			65	KHOAN	Vietnamese
7	HỒ NGỌC LIÊM	TD5	05	1	6			67	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM XUÂN THỦY	TD5	04	1	6			73	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN TRUNG THÁI	TD5	100	1	4			77	KHOAN	Vietnamese
10	ALEKHIN ALEXANDR	TD5	03	1	8			101	KHOAN	Russian
11	CAO KINH THAO	TD5	23-24	2	19	2	13	70	T-TIN	Vietnamese
12	NGUYỄN HỮU HOÀN	TD5	06	1	5			82	KHOAN	Vietnamese
13	ĐÌNH VĂN BẮC	TD5	08	1	6			69	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	TD5	14	1	5			80	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN MẠNH HÙNG	TD5	12	1	5			77	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH HIẾU	TD5	27-29	3	15			83	KHOAN	Vietnamese
17	LƯU ĐÌNH MINH	TD5	18	1	10	1	13	83	KHOAN	Vietnamese
18	HA KHUÔNG DUY	TD5	15-17	3	20			66	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH PHÚ	TD5	01-02	2	10			87	SCHLUMBE	Vietnamese
20	BUI NGỌC ĐO	TD5	13	1	5			71	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD5	20	1.527	26	149	11	132	21		
TOTAL		20	1.527	26	149	11	132	21		
WEIGHT KG			1.527		149		132			

GRAND TOAL: 1.808 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/01/2025	TO: P4 - P5 - BK3	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:57
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: LTUÂN - MTHAO - TÚ	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHAN TRUNG CHÍNH	P4						63	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN QUANG TUYẾN	P4				1	4	65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN HUU HA	P4						76	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN TOAN	P4	10	1	4			64	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN SON	P4	11	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
6	LA VAN TÔI	P5	40	1	10	1	16	94	YTE	Vietnamese
7	NGUYEN ANH DUNG	P5	33-34	2	12			56	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI VAN BAC	P5						73	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN TRUNG HIẾU	P5	37	1	9			68	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN QUANG PHÚC	P5	29	1	11			52	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐO HOÀNG TRỌNG	P5	28	1	4			82	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN TIẾN	P5	46	1	9	1	19	74	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI SY CONG	P5	27	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN ANH TUAN	P5	43	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG BA VINH	P5	41-42	2	22			62	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN ĐỨC THUẬN	P5	36	1	7			86	KH-THAC	Vietnamese
17	NGÔ VĂN CẠN	P5	30-32	3	15			57	NIPPON PA	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN HỒN	P5	25-26	2	9			68	NHA THAU	Vietnamese
19	NGUYỄN TRỌNG CƯỜNG	P5	45	1	5			85	D-HANH	Vietnamese
20	NHAM ĐIỆN BIÊN	P5	44	1	5			70	NIPi	Vietnamese
21	ĐÀO VĂN THẮNG	P5	35	1	7			56	PSV	Vietnamese
22	LÊ XUÂN TINH	P5	38-39	2	14			72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P4	5	333	2	9	1	4	0		
2	P5	17	1.185	22	149	2	35	21		
3	BK3	0	0	0	0	1	5	1		
TOTAL		22	1.518	24	158	4	44	22		
WEIGHT KG			1.518		158		44			

GRAND TOAL: 1.720 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/01/2025	TO: RP3 - RC3	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: DU'ONG - HTRUNG - THANH	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRAN VAN SEN	RP3	07	1	5			68	KHI	Vietnamese
2	NGUYEN XUAN SANG	RP3	04-05	2	5			58	KHI	Vietnamese
3	HO VAN LUONG	RP3	99	1	4	3	45	64	KHI	Vietnamese
4	NGUYEN BAO TOAN	RP3	300	1	11			82	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN THANH TRUNG	RP3	18	1	3			76	KH-THAC	Vietnamese
6	LE QUANG HUY	RP3	20-21	2	17			70	SOLAR	Vietnamese
7	NGUYEN MANH TUNG TAI	RP3	19	1	10	3	43	70	CODIEN	Vietnamese
8	NGUYEN TRUNG HOA	RP3	10	1	4			92	KHI	Vietnamese
9	HA THE BAO	RP3	03	1	7			80	KHI	Vietnamese
10	PHAM TRUNG DUNG	RP3	12	1	5			77	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN VIET KY	RP3	02	1	5	1	5	72	KHI	Vietnamese
12	PANKRATOV ROMAN	RP3	09	1	11			93	KHI	Russian
13	PHAM VAN LAP	RP3						60	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN VAN CU	RP3	10	1	4			57	KHI	Vietnamese
15	PHAM BINH NAM	RP3	06	1	8	2	20	59	KHI	Vietnamese
16	NGO NGOC HAN	RP3	13-14	2	9			64	KHI	Vietnamese
17	KHONG TIEN DUNG	RP3	23	1	7	3	17	79	KHI	Vietnamese
18	LUONG DUC THIEN	RP3	22	1	9			103	KHI	Vietnamese
19	TRAN CONG MINH	RP3	15-16	2	14			90	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN THANH HOA	RP3	17	1	9			75	NIPI	Vietnamese
21	LUONG THE HIEN	RP3	08	1	6			69	NIPI	Vietnamese
22	VU VAN TINH	RP3	01	1	10			74	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP3	22	1.632	25	163	12	130	20		
2	RC3	0	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	1.632	25	163	12	130	21		
WEIGHT KG			1.632		163		130			

GRAND TOAL: 1.925 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/01/2025	TO: P4	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:58
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: LHAÍ - HĐỨC - HTNAM	ETA: 11:55
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN HOÀNG	P4	80	1	11			81	KH-THAC	Vietnamese
2	CHU VĂN ĐẠT	P4	89	1	7			63	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ VĂN BA	P4	94	1	3	3	40	70	KH-THAC	Vietnamese
4	HOÀNG NGỌC SANG	P4	98	1	4			57	KH-THAC	Vietnamese
5	HÀ TÂN DUNG	P4	84	1	3			74	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC TUYẾN	P4	85	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ HỒNG TRUNG	P4	81	1	4			59	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI MẠNH CUÔNG	P4	93	1	3			64	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI VĂN MẠNH	P4	88	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
10	TẠ XUÂN HIỆU	P4	91	1	5			66	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN HỮU LUẬN	P4	79	1	4			73	KHI	Vietnamese
12	PHAN HỒNG TÂM	P4	96-97	2	11			60	KHI	Vietnamese
13	PHẠM ĐỨC HIỆP	P4	500	1	3			81	KHI	Vietnamese
14	ĐOÀN THANH CÔNG	P4	92	1	6			72	KHI	Vietnamese
15	TRẦN SƠN TIẾN	P4	82-83	2	11			68	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN VIỆT NGỌC	P4	99	1	6			64	KHI	Vietnamese
17	PHAN ĐÌNH NHÂM	P4	87	1	5			61	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN HOÀNG TRƯỜNG	P4						75	KHI	Vietnamese
19	BUI ĐĂNG TIẾN	P4	90	1	7			71	KHI	Vietnamese
20	LÊ TRUNG LÂM	P4						70	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN TÀI	P4	86	1	4			70	KHI	Vietnamese
22	VÔ HỒNG TÍN	P4	95	1	5			80	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P4	22	1.515	22	111	3	40	22		
TOTAL		22	1.515	22	111	3	40	22		
WEIGHT KG			1.515		111		40			

GRAND TOAL: 1.666 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/01/2025	TO: P1 - BK8	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:15
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: HUNG - N.CUONG - TOAN	ETA: 14:05
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	AKOPOV D.	P1	47	1	7			86	KH-THAC	Russian
2	KISELEV I.	P1	46	1	7			98	KH-THAC	Russian
3	NGUYEN HOANG VINH	P1	43	1	7			79	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM XUAN HOANG	P1	50	1	12			92	KH-THAC	Vietnamese
5	LE NGOC HUNG	P1	48	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese
6	LE QUANG TRUONG	P1	39-40	2	15			77	KH-THAC	Vietnamese
7	TA QUOC VIET	P1	36-37	2	20			63	YTE	Vietnamese
8	NGUYEN THE VINH	P1	49	1	5	3	60	70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN TRUNG HIEU	P1	56	1	5			85	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN LONG BIEN	P1	44	1	10			75	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN HUU DUNG	P1	52-53	2	12			87	KH-THAC	Vietnamese
12	LE DINH PHUC	P1	51	1	6			62	KH-THAC	Vietnamese
13	TO QUANG ANH	P1	54-55	2	16			71	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN HOANG ANH TUAN	P1	41-42	2	13			66	KH-THAC	Vietnamese
15	LE KIEN TRUNG	P1	34	1	5			82	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI HUY NGHIEP	P1	35	1	3			77	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAM VAN THANG	P1	33	1	6			50	KH-THAC	Vietnamese
18	LE QUANG ANH HUNG	P1	45	1	6			62	KH-THAC	Vietnamese
19	LE QUANG MINH	P1						78	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAM SY HIEP	P1	38	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
21	VU NAM CUONG	P1						70	KH-THAC	Vietnamese
22	DOAN MINH DAT	BK8	60-61	2	17			82	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P1	21	1.556	24	166	3	60	21		
2	BK8	1	82	2	17	0	0	1		
TOTAL		22	1.638	26	183	3	60	22		
WEIGHT KG			1.638		183		60			

GRAND TOAL: 1.881 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/01/2025		TO: TTC2 - P3 - TD3			AIRCRAFT: 410			ETD: 12:10		
FLIGHT: 10		FROM: VT			CREW: CHIẾN - M.ĐỨC -			ETA: 14:00		
XANH-3					QTRƯỜNG					
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VŨ ANH MINH	P3	72	1	8	2	20	77	T-TIN	Vietnamese
2	NGUYỄN PHI DAN	P3	57	1	7	1	20	58	YTE	Vietnamese
3	NGUYỄN HỒ THIÊN TÂM	P3	71	1	7			63	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐINH VĂN THANH	P3	63-64	2	4			74	KH-THAC	Vietnamese
5	LƯƠNG HỮU HẬU	P3	62	1	13			85	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI THE DUONG	P3	65	1	9			64	KH-THAC	Vietnamese
7	LE ĐỨC HUY	P3	70	1	5			80	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN QUỐC BÌNH	P3	73	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN BUI NAM	P3	55	1	10			100	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN LÊ TÙNG	P3	56	1	3			59	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH PHONG	P3	66-68	3	16			72	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ ĐỨC HÙNG	P3	69	1	8			89	KH-THAC	Vietnamese
13	CAO XUÂN DUNG	P3	74-75	2	20			73	CODIEN	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN NAM	P3	60-61	2	13			89	CODIEN	Vietnamese
15	QUÁCH THANH ĐỘ	P3	58-59	2	14			68	CODIEN	Vietnamese
16	TRẦN CAO TUẤN	TD3	67	1	10	3	45	69	CODIEN	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN HẠNH	TD3	64-66	3	18			53	CODIEN	Vietnamese
18	TRẦN MINH TÙNG	TD3	68	1	14			76	CODIEN	Vietnamese
19	PHẠM VĂN LƯU	TD3	71	1	7			67	YTE	Vietnamese
20	HOÀNG VIỆT HÙNG	TD3	70	1	5			77	PSV	Vietnamese
21	HỒ MINH PHÚC	TD3	69	1	4			78	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TTC2	0	0	0	0	0	0	0+1		CHUYEN 1 PAX TTC2-P3
2	P3	15	1.125	21	142	3	40	7		
3	TD3	6	420	8	58	3	45	15		
TOTAL		21	1.545	29	200	6	85	22		
WEIGHT KG			1.545		200		85			

GRAND TOAL: 1.830 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/01/2025		TO: P1 - PPD - RC5			AIRCRAFT: 416			ETD: 12:20		
FLIGHT: 11		FROM: VT			CREW: LHM - HUC - HTNAM			ETA: 14:10		
TRANG-3										
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHAM ANH SON	P1	43	1	4			66	KH-THAC	Vietnamese
2	VO HONG HAI	P1	40	1	12			64	KH-THAC	Vietnamese
3	DANG QUANG DUC	P1	39	1	7			73	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM HUU PHUOC	P1	41	1	5			78	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN VAN PHIEN	P1	42	1	7			66	KH-THAC	Vietnamese
6	DO VAN THANH	PPD	29	1	9			85	KHI	Vietnamese
7	TRINH QUOC THANH	PPD	22-23	2	13			108	KHI	Vietnamese
8	PHAM HAI QUANG	PPD	20	1	4			72	KHI	Vietnamese
9	VU MANH HUNG	PPD	21	1	7			74	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN TRUONG NHAT MINH	PPD	30	1	9			85	KHI	Vietnamese
11	TRINH CONG BINH	PPD	25	1	10			64	KHI	Vietnamese
12	HOANG CONG DUC	PPD	28	1	12			64	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN DUC PHUC	PPD	27	1	6			56	KHI	Vietnamese
14	PHAM HOANG PHONG	PPD	19	1	9			67	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN VAN HAO	PPD	24	1	9			76	KHI	Vietnamese
16	PHAM VAN HIET	PPD	26	1	9			75	PSV	Vietnamese
17	LE XUAN DAM	PPD	34	1	4			66	PSV	Vietnamese
18	PHAM TU ANH	PPD	32	1	13			70	CODIEN	Vietnamese
19	DO THANH TUNG	PPD	31	1	13			68	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P1	5	347	5	35	0	0	4	1	CHUYEN 1 PAX P1-RC5
2	PPD	14	1.030	15	127	0	0	12		
3	RC5	0	0	0	0	6	88	4		
TOTAL		19	1.377	20	162	6	88	20		
WEIGHT KG			1.377		162		88			

GRAND TOAL: 1.627 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/01/2025	TO: TGTH1 - AMD	AIRCRAFT: 614	ETD: 11:30
FLIGHT: 12	FROM: VT	CREW: <i>Aluan - Mael</i>	ETA: 13:20
CAM-3			

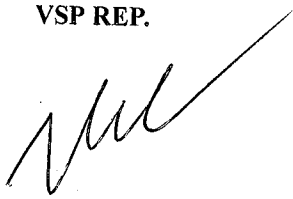
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGO QUANG HUÂN	TGTH1	22	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG VAN GIANG	TGTH1	03	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN HUU CUONG	TGTH1	24-25	2	12			68	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN VAN HOA	TGTH1	23	1	6			73	PSV	Vietnamese
5	NGUYEN XUAN THANH	AMD	95	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN CONG DUNG	AMD	06	1	6			74	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN SANH	AMD	14	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
8	DUONG VAN DONG	AMD	94	1	6			59	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VIET LAM	AMD	04-05	2	8			77	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN MINH DUC	AMD	96-97	2	11			70	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN QUANG THANH	AMD	07	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN HUU NHAN	AMD	21-22	2	11			68	KH-THAC	Vietnamese
13	VU MANH HA	AMD	08-09	2	13			86	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN DUC TRUNG	AMD	15-16	2	10			56	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN XUAN TOAN	AMD	17	1	8			80	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI SY QUYEN	AMD	18-19	2	5			68	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAM HUYNH CUONG	AMD	10	1	6	5	79	71	KH-THAC	Vietnamese
18	DANG QUANG LOC	AMD	20	1	12			64	KH-THAC	Vietnamese
19	VU MANH DIEP	AMD	12-13	2	15			72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

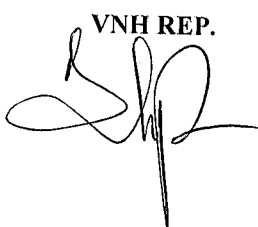
No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TGTH1	4	279	5	31	0	0	4		
2	AMD	15	1.045	22	127	5	79	15		
TOTAL		19	1.324	27	158	5	79	19		
WEIGHT KG			1.324		158		79			

GRAND TOAL: 1.561 KGS

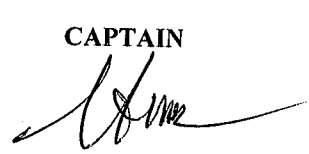
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/01/2025		TO: AMD - HSD - HST				AIRCRAFT: 410			ETD: 14:30	
FLIGHT: 13		FROM: VT				CREW: CHIẾN - M.ĐỨC -			ETA: 16:20	
HONG-4						QTRƯỜNG				
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRẦN ĐƯƠNG	AMD	33	1	15			69	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN HỮU BÌNH	AMD	18	1	7			63	PSV	Vietnamese
3	NGUYỄN LAM THẮNG	AMD	17	1	3	3	60	83	PSV	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN DOANH	AMD	15-16	2	9			68	PSV	Vietnamese
5	LÊ QUANG VINH	AMD	34	1	4			66	PSV	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐỨC TIẾP	AMD	19	1	7			66	PHATECO	Vietnamese
7	NGUYỄN DUY DÂN	AMD	20	1	10			78	PHATECO	Vietnamese
8	NGUYỄN TUẤN PHONG	AMD	21-22	2	10			102	PHATECO	Vietnamese
9	LƯƠNG CAO DŨNG	AMD	24	1	5			76	PHATECO	Vietnamese
10	PHẠM NGỌC THU	AMD	27	1	9			76	PHATECO	Vietnamese
11	VÔ NGỌC PHÚ	AMD	32	1	10			77	PHATECO	Vietnamese
12	HUYNH MINH SANG	AMD	31	1	11			80	PHATECO	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	AMD	25-26	2	12			71	PHATECO	Vietnamese
14	LÊ THANH PHÁT	AMD	23	1	7			65	PHATECO	Vietnamese
15	PHẠM MINH ĐỨC	AMD	28-30	3	19			71	PHATECO	Vietnamese
16	LÊ THANH TÙNG	HSD	17	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VIỆT THẮNG	HSD	16	1	8			75	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN QUỐC TỊNH	HSD	15	1	6			75	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN XUAN HIEU	HST	68-69	2	17			87	TLJOC	Vietnamese
20	NGUYỄN MẠNH HÙNG	HST	71-72	2	17			84	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN NHA	HST	70	1	8			60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	AMD	15	1.111	20	138	3	60	14		
2	HSD	3	217	3	19	0	0	3		
3	HST	3	231	5	42	0	0	4		
TOTAL		21	1.559	28	199	3	60	21		
WEIGHT KG			1.559		199		60			

GRAND TOAL: 1.818 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/01/2025		TO: TD2 - P3			AIRCRAFT: 426			ETD: 14:35		
FLIGHT: 14		FROM: VT			CREW: HUNG - N.CUONG - TOAN			ETA: 16:25		
XANH-4										
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	CÙ THANH NHAN	TD2	73	1	3			62	KHOAN	Vietnamese
2	TRẦN CÔNG HIẾN	TD2	78	1	6			77	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	TD2	83-84	2	17			59	SCHLUMBE	Vietnamese
4	PHẠM VĂN THAI	TD2	81-82	2	19			85	SCHLUMBE	Vietnamese
5	PHẦN ĐỖ CHÂU TUẤN	TD2	97	1	16			103	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ NGỌC TỰ	TD2	86	1	13			73	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM THẾ QUANG	TD2	85	1	14	5	63	73	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN QUỐC KHÔI	TD2	87-88	2	16			67	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH TRUNG	TD2	89-90	2	18			73	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM THANH BÌNH	TD2	74	1	8	1	6	83	ANTOAN	Vietnamese
11	TRẦN QUỐC TOÀN	TD2	77	1	16			92	XAYLAP	Vietnamese
12	NGO DINH THANG	TD2	91-92	2	19	1	27	65	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN TÂN	TD2	72	1	20			55	XAYLAP	Vietnamese
14	PHẠM VĂN THOẢNG	TD2	75-76	2	22			58	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN PHI HÙNG	TD2	79-80	2	8			54	XAYLAP	Vietnamese
16	TRẦN NHẬT TÂN	P3	94	1	11			82	CODIEN	Vietnamese
17	VŨ TIẾN PHỤNG	P3	37	1	9	6	65	72	CODIEN	Vietnamese
18	NGUYỄN QUANG TRUNG	P3	93	1	11	1	15	79	CODIEN	Vietnamese
19	VŨ XUÂN TIẾN	P3	92	1	10			70	PSV	Vietnamese
20	CAO DUY LUNG	P3	91	1	7			60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD2	15	1.079	22	215	7	96	16		
2	P3	5	363	5	48	7	80	4		
TOTAL		20	1.442	27	263	14	176	20		
WEIGHT KG			1.442		263		176			

GRAND TOAL: 1.881 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN